

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2026/HS-PT
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Lợi.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng và bà Phan Thị Minh Tâm.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Huyền -
Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Huỳnh Ngọc Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 313/2025/TLPT-HS ngày 11 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Thị T cùng đồng phạm. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án số 45/2025/HS-ST ngày 27/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Nguyễn Thị T, sinh ngày 09/10/1964; nơi sinh: Thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Khu phố C, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là Khu phố C, phường T, tỉnh Đồng Nai); nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị L; chồng là Nguyễn Khắc T2; có 03 người con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 14/7/2024 đến ngày 11/10/2024, bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Trương Thị Đ, sinh ngày 01/01/1975; nơi sinh: huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là khóm T, xã T, tỉnh Đồng Tháp); nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn D và bà Lê Thị L1; chồng là Nguyễn Hữu T3; có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 14/7/2024 đến ngày 11/10/2024, bị cáo tại ngoại (có mặt).

3. Nguyễn Văn T4, sinh ngày 08/8/1987; nơi sinh: huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp); nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh;

giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Ú; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/7/2024 đến ngày 11/10/2024, bị cáo tại ngoại (có mặt).

4. Hồ Minh P, sinh ngày 01/01/1980; nơi sinh: huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp N, xã T, tỉnh Đồng Tháp); nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn N1 và bà Nguyễn Thị Đ1; vợ là Nguyễn Thị G; có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 14/7/2024 đến ngày 11/10/2024, bị cáo tại ngoại (có mặt).

5. Dương Thị N2, sinh ngày 22/01/1974; nơi sinh: huyện C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang (nay ấp T, xã C, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: làm vườn; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn M và bà Phạm Thị A; chồng là Nguyễn Văn H; có 04 người con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 14/7/2024 đến ngày 11/10/2024, bị cáo tại ngoại (có mặt).

6. Võ Văn B, sinh ngày 01/01/1976; nơi sinh: Huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: khóm B, phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là khóm B, phường C, tỉnh Đồng Tháp); nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và Nguyễn Thị T5; vợ Nguyễn Ngọc T6 và 03 người con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 14/7/2024 đến ngày 11/10/2024, bị cáo tại ngoại (có mặt).

7. Mai Thị T7, sinh ngày 01/01/1982; nơi sinh: thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: khóm F, phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là B, phường C, tỉnh Đồng Tháp); nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Quốc S1 và bà Huỳnh Thị T8; chồng là Trần Văn P1 và có 01 người con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 14/7/2024 đến ngày 11/10/2024, bị cáo tại ngoại (có mặt).

8. Hồ Thị S2, sinh ngày 01/01/1971; nơi sinh: huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp); nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn C và bà Trần Thị Q; chồng là Nguyễn Văn C1 và 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 14/7/2024 đến ngày 11/10/2024, bị cáo tại ngoại (có mặt).

9. Huỳnh Kim B1, sinh ngày 01/01/1962; nơi sinh: thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: ấp C, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay ấp C, phường M, tỉnh Đồng Tháp); nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn Đ2 và bà Lê Thị M1; chồng là Nguyễn Hoàng C2, có 03 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

10. Nguyễn Thị Ngọc T9, sinh ngày 01/01/1976; nơi sinh: huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp M, xã M, tỉnh Đồng Tháp); nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S3 và bà Nguyễn Thị Thanh P2; chồng là Nguyễn Văn Đức M2; có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

11. Trần Thị Kim H1, sinh ngày 26/02/1974; nơi sinh: huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là ấp P, xã P, tỉnh Đồng Nai); nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Công Giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T10 và bà Nguyễn Thị T11; chồng là Nguyễn Xuân H2 và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

12. Lê Thị Ngọc G1, sinh ngày 20/6/1988; nơi sinh: Thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Ấp C, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp); nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn S4 và bà Nguyễn Thị N3; chồng Thái Văn Chí L2 và có 01 người con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 14/7/2024 đến ngày 11/10/2024, bị cáo tại ngoại (có mặt).

13. Nguyễn Thị H3, sinh ngày 01/01/1969; nơi sinh: huyện C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang (nay ấp T, xã C, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H4 và bà Phạm Thị M3; chồng là Nguyễn Văn N4; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 14/7/2024 đến ngày 11/10/2024. bị cáo tại ngoại (có mặt).

14. Lê Thanh P3, sinh ngày 14/4/1983; nơi sinh: huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: khóm D, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là khóm D, phường M, tỉnh Đồng Tháp); nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T12 và bà Nguyễn Thị T11; chồng là Trần Bình T13; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 14/7/2024 đến ngày 11/10/2024. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

(Trong vụ án còn có những bị cáo, người tham gia tố tụng khác nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 14/7/2024, Phòng C3 - Công an tỉnh A kết hợp Đội Cảnh sát hình sự - Công an huyện C kiểm tra, phát hiện Hà Chí T14, Nguyễn

Văn G2, Nguyễn Văn T15, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị G3, Lê Thị Ngọc G1, Dương Thị N2, Trịnh Thị M4, Võ Văn B, Trương Thị Đ, Cao Văn T16, Hồ Minh P, Hồ Thị S2, Nguyễn Văn T4, Lê Thanh P3, Nguyễn Thị H3, Mai Thị T7, Lê Thị N5, Nguyễn Phước L3, Huỳnh Kim B1, Nguyễn Hoàng C2, Lê Lam Đ3, Huỳnh Văn L4, Nguyễn Thị Ngọc T9, Trần Thị Kim H1 đang đánh bạc bằng hình thức lặc tài xỉu, được thua bằng tiền tại khu đất trống của Nguyễn Văn K thuộc ấp T, xã T, huyện C, nên lực lượng chức năng tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, trong đó có một số đối tượng chạy thoát. Quá trình điều tra xác định:

Hà Chí T14 khai: Do quen người tên B2 (không rõ họ, địa chỉ) khi chơi đánh bạc, nên ngày 14/7/2024, B2 thỏa thuận và kêu T14 giúp B2 làm cái tài xỉu nếu lặc ra bão thì B2 trả 100.000 đồng đến 200.000 đồng, nếu không ra bão thì hết ca B2 trả từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, thì T14 đồng ý. B2 đưa T14 50.000.000 đồng để làm cái, khi vào chơi, T14 đưa tiền cho 03 người làm vĩ (không biết họ tên, địa chỉ) mỗi người 10.000.000 đồng để chung chi, T14 giữ 20.000.000 đồng. T14 làm cái được khoảng 12 - 13 ván, mỗi ván tiền đặt khoảng 10.000.000 đồng thì bị Công an vào bắt quả tang. T14 chạy thoát, tiêu xài hết số tiền 20.000.000 đồng, đến ngày 11/10/2024 bị bắt.

Nguyễn Văn T15 khai: Khoảng 11 giờ ngày 14/7/2024, Hà Chí T14 gọi điện thoại cho Văn T15 đến làm vĩ cho Chí T14 lặc tài xỉu thì Văn T15 đồng ý. Văn Tâm điều khiển xe mô tô biển số 66P2-209.54 đến sòng bạc. Khi vào, Chí T14 đưa cho Văn T15, S5, D1 (không rõ họ, địa chỉ) mỗi người 10.000.000 đồng để chung chi. Chí Tâm làm cái khoảng 12 - 13 ván thì bị Công an bắt quả tang. Văn Tâm chạy thoát, ngày 16/7/2024, Văn T15 đến Công an huyện C, giao nộp 2.500.000 đồng tiền đánh bạc.

Nguyễn Văn G2 khai: Mang theo số tiền 2.000.000 đồng dùng đánh bạc, tham gia 03 ván, đặt từ 500.000 đồng đến 3.000.000, đến ván thứ 03 chưa có kết quả thì bị bắt quả tang. Giàu chạy thoát, làm rớt hết tiền, đến ngày 17/10/2024 bị bắt. Khi G2 tham gia do Chí T14 làm cái, Văn T15 cùng 02 người (không rõ họ, tên) làm vĩ.

Nguyễn Thị T khai: Mang theo 2.000.000 đồng dùng đánh bạc, tham gia 03 ván, đặt từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, ván thứ 03 chưa có kết quả thì bị bắt quả tang. Thu giữ 1.142.000 đồng.

Nguyễn Thị G3 khai: Mang theo 500.000 đồng dùng đánh bạc, tham gia 01 ván, số tiền 100.000 đồng chưa có kết quả thì bị bắt quả tang, bị thu giữ 400.000 đồng.

Võ Văn B khai: Mang theo 8.368.000 đồng, trong đó 2.368.000 đồng dùng đánh bạc, 6.000.000 đồng là tiền bơm cát của Võ Văn T17 (em ruột B). Tham gia 02 ván, mỗi ván đặt 500.000 đồng, ván thứ 02 chưa có kết quả thì bị bắt quả tang. Trong lúc bỏ chạy rơi mất 1.000.000 đồng, bị thu giữ 6.368.000 đồng.

Trịnh Thị M4: Mang theo 100.000 đồng dùng đánh bạc, tham gia 01 ván chưa có kết quả thì bị bắt quả tang.

Mai Thị T7 khai: Mang theo 600.000 đồng dùng đánh bạc, tham gia 06 ván, mỗi ván 100.000 đồng, thua hết 600.000 đồng, đang đứng xem thì bị bắt quả tang.

Nguyễn Thị H3 khai: Mang theo 1.270.000 đồng dùng đánh bạc, tham gia nhiều ván, mỗi ván đặt 100.000 đồng, thua 1.200.000 đồng, đang đứng xem thì bị bắt quả tang, lúc bỏ chạy rơi mất 70.000 đồng.

Nguyễn Thị N6 khai: Mang theo 1.000.000 đồng dùng đánh bạc, tham gia 03 ván, mỗi ván đặt 100.000 đồng, ván thứ 03 chưa có kết quả thì Công an bắt quả tang, còn 700.000 đồng bị rút vào chiếu bạc.

Nguyễn Phước L3 khai: Mang theo 400.000 đồng dùng đánh bạc, tham gia 04 ván, thua hết 400.000 đồng, đang đứng xem thì bị bắt quả tang.

Lê Thanh P3 khai: Mang theo 1.000.000 đồng dùng đánh bạc, tham gia 05 ván, mỗi ván đặt từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng, thua hết 1.000.000 đồng, đang đứng xem thì bị bắt quả tang.

Huỳnh Kim B1 khai: Mang theo 1.800.000 đồng dùng đánh bạc, tham gia nhiều ván, thua 600.000 đồng, bị bắt quả tang thu giữ 1.200.000 đồng.

Nguyễn Hoàng C2 khai: Mang theo 500.000 đồng, trong đó 100.000 đồng dùng đánh bạc, tham gia 01 ván đặt 100.000 đồng chưa có kết quả thì bị bắt quả tang, thu giữ 400.000 đồng là tiền của Nguyễn Thị Kim T18 (con ruột của C2) đưa C2 đi mua thức ăn.

Hồ Thị S2 khai: Mang theo 1.572.000 đồng dùng đánh bạc, tham gia 03 ván, mỗi ván đặt 100.000 đồng, đến ván thứ 03 thì bị bắt quả tang, thu giữ 1.472.000 đồng.

Lê Lam Đ3 khai: Mang theo 1.135.000 đồng dùng đánh bạc, tham gia 04 ván, đến ván thứ 04 thì bị bắt quả tang, thu giữ 1.135.000 đồng.

Trương Thị Đ khai: Mang theo 360.000 đồng dùng đánh bạc, tham gia 03 ván, thắng được 150.000 đồng thì bị bắt quả tang. Lúc bỏ chạy rút mất 450.000 đồng, bị thu giữ 60.000 đồng.

Nguyễn Văn T4 khai: Mang theo 13.500.000 đồng, trong đó sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, còn 12.500.000 đồng dùng để điều trị bệnh cho mẹ ruột. Tham gia nhiều ván, mỗi ván đặt 200.000 đồng thì bị bắt quả tang, thu giữ 12.500.000 đồng.

Cao Văn T16 khai: Mang theo 800.000 đồng dùng đánh bạc, tham gia nhiều ván, thắng được 400.000 đồng thì bị bắt quả tang, thu giữ 1.200.000 đồng.

Hồ Minh P khai: Mang theo 920.000 đồng dùng đánh bạc, tham gia 02 ván, thua 200.000 đồng, khi bỏ chạy rút mất 200.000đ, bị thu giữ 520.000đ.

Dương Thị N2 khai: Mang theo 2.800.000 đồng dùng đánh bạc. Tham gia nhiều ván, thua, còn lại 1.400.000 đồng khi bị bắt quả tang bỏ chạy rơi mất.

Lê Thị Ngọc G1 khai: Mang theo 1.200.000 đồng dùng đánh bạc, tham gia nhiều ván, thua 900.000 đồng, ván cuối đặt 300.000 đồng chưa có kết quả thì bị bắt quả tang.

Huỳnh Văn L4 khai: Do quen biết với người tên T19 (không rõ họ, ở thị xã B, tỉnh Bình Dương), nên T19 thường thuê L4 làm vĩ cho T19 khi tham gia đánh bạc. Khoảng 12 giờ ngày 14/7/2024, L4 cùng T19 và 03 người thanh niên (không rõ họ, tên, địa chỉ) làm vĩ cho T19 lắt tài xỉu cho nhiều người tham gia đặt cược. T19 đưa L4 30.000.000 đồng để chung chi, số tiền đặt cược mỗi ván từ 5.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng. Sau khi hết ca lắt, T19 thắng được 8.000.000 đồng, T19 trả tiền công cho L4 500.000 đồng và trong ca lắt ra 01 chén bão nên L4 được hưởng 200.000 đồng. Sau khi hết ca lắt của T19 thì L4 nằm vờ ở cạnh nơi đánh bạc thì bị bắt quả tang, thu giữ 700.000 đồng.

Nguyễn Thị Ngọc T9 khai: Mang theo 500.000 đồng dùng đánh bạc, tham gia 04 ván mỗi ván đặt 100.000 đồng, thua 400.000 đồng. Số tiền người chơi đặt cược mỗi ván từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Sau khi thua 400.000 đồng thì nghỉ, ra ngồi uống nước cạnh sòng bạc thì bắt quả tang, thu giữ 100.000 đồng.

Trần Thị Kim H1 khai: Mang theo 435.000 đồng dùng đánh bạc, tham gia 07 ván, thua 400.000 đồng thì nghỉ. Sau đó, có người đổi ca lắt tiếp theo, H1 đứng xem khoảng 03 - 04 ván thì bị bắt quả tang, trong lúc bỏ chạy rút 35.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: Trên chiếu bạc 22.400.000 đồng; 05 hột xí ngầu; 01 hộp nhựa; 01 miếng kim loại (nam châm); 01 tấm bạc màu đỏ - xanh; 01 tấm bạc màu trắng - xanh - đỏ (ghi chữ tài, xỉu); 01 quyển tập; 02 bao thuốc lá; 01 bạc lửa; 38 sợi dây thun; 01 tấm bạc sọc trắng - xanh - đen; 01 vỏ sách nhựa; 01 hộp nhựa; 02 bóng đèn; dây điện; 37 ghế nhựa; 01 dụng cụ điện tử màu đen có chữ GARRETT; 01 dụng cụ điện tử màu đen có chữ METAL DETECTOR; 01 thùng nhựa cách nhiệt màu đỏ; 02 cuộn dây điện (màu vàng, xanh); thu trên người các đối tượng số tiền 130.932.000 đồng, trong đó 10.797.000 đồng dùng để đánh bạc; 36 xe mô tô, 26 điện thoại di động các loại.

Hà Chí T14, Nguyễn Văn G2, Nguyễn Văn T15, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị G3, Lê Thị Ngọc G1, Dương Thị N2, Trịnh Thị M4, Võ Văn B, Trương Thị Đ, Cao Văn T16, Hồ Minh P, Hồ Thị S2, Nguyễn Văn T4, Lê Thanh P3, Nguyễn Thị H3, Mai Thị T7, Lê Thị N5, Nguyễn Phước L3, Huỳnh Kim B1, Nguyễn Hoàng C2, Lê Lam Đ3, Huỳnh Văn L4, Nguyễn Thị Ngọc T9, Trần Thị Kim H1 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C khởi tố, đề điều tra xử lý.

Trong giai đoạn truy tố, ngày 28/02/2025, bị can Lê Lam Đ3 chết do bệnh lý, nên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới ra Quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can Đ3.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2025/HS-ST ngày 27/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang, đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo: H, Nguyễn Văn G2, Nguyễn Văn T15, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị G3, Lê Thị Ngọc G1, Dương Thị N2, Trịnh Thị M4, Võ Văn B, Trương Thị Đ, Cao Văn T16, Hồ Minh P, Hồ Thị S2, Nguyễn Văn T4, Lê Thanh P3, Nguyễn Thị H3, Mai Thị T7, Lê Thị N5, Nguyễn Phước L3, Huỳnh Kim B1, Nguyễn Hoàng C2, Huỳnh Văn L4, Nguyễn Thị Ngọc T9, Trần Thị Kim H1 phạm tội “*Đánh bạc*”;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Hà Chí T14 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (11/10/2024).

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (17/10/2024).

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T15 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi chấp hành án (khấu trừ cho bị cáo thời hạn bị tạm giữ tạm giam từ ngày 16/7/2024 đến ngày 13/10/2024).

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn L4 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt các bị cáo:

- Nguyễn Thị T 08 (tám) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi chấp hành án; (khấu trừ cho bị cáo thời hạn bị tạm giữ tạm giam từ ngày 14/7/2024 đến ngày 11/10/2024).

- Võ Văn B 08 (tám) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi chấp hành án; (khấu trừ cho bị cáo thời hạn bị tạm giữ tạm giam từ ngày 14/7/2024 đến ngày 11/10/2024).

- Huỳnh Kim B1 08 (tám) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

- Dương Thị N2 08 (tám) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi chấp hành án (khấu trừ cho bị cáo thời hạn bị tạm giữ tạm giam từ ngày 14/7/2024 đến ngày 11/10/2024).

- Hồ Thị S2 08 (tám) tháng tù; tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi chấp hành án (khấu trừ cho bị cáo thời hạn bị tạm giữ tạm giam từ ngày 14/7/2024 đến ngày 11/10/2024).

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt các bị cáo:

- Nguyễn Thị G3 07 (bảy) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi chấp hành án (khấu trừ cho bị cáo thời hạn bị tạm giữ tạm giam từ ngày 14/7/2024 đến ngày 11/10/2024).

- Mai Thị T7 07 (bảy) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi chấp hành án (khấu trừ cho bị cáo thời hạn bị tạm giữ tạm giam từ ngày 14/7/2024 đến ngày 11/10/2024).

- Nguyễn Thị H3 07 (bảy) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi chấp hành án (khấu trừ cho bị cáo thời hạn bị tạm giữ tạm giam từ ngày 14/7/2024 đến ngày 11/10/2024).

- Lê Thị N5 07 (bảy) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi chấp hành án (khấu trừ cho bị cáo thời hạn bị tạm giữ tạm giam từ ngày 14/7/2024 đến ngày 11/10/2024).

- Trương Thị Đ 07 (bảy) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi chấp hành án (khấu trừ cho bị cáo thời hạn bị tạm giữ tạm giam từ ngày 14/7/2024 đến ngày 11/10/2024).

- Nguyễn Văn T4 07 (bảy) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi chấp hành án (khấu trừ cho bị cáo thời hạn bị tạm giữ tạm giam từ ngày 14/7/2024 đến ngày 11/10/2024).

- Cao Văn T16 07 (bảy) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi chấp hành án (khấu trừ cho bị cáo thời hạn bị tạm giữ tạm giam từ ngày 14/7/2024 đến ngày 11/10/2024).

- Hồ Minh P 07 (bảy) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi chấp hành án (khấu trừ cho bị cáo thời hạn bị tạm giữ tạm giam từ ngày 14/7/2024 đến ngày 11/10/2024).

- Lê Thị Ngọc G1 07 (bảy) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi chấp hành án (khấu trừ cho bị cáo thời hạn bị tạm giữ tạm giam từ ngày 14/7/2024 đến ngày 11/10/2024).

- Nguyễn Phước L3 07 (bảy) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

- Nguyễn Thị Ngọc T9 07 (bảy) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

- Trần Thị Kim H1 07 (bảy) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt các bị cáo Lê Thanh P3 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi chấp hành án (khấu trừ cho bị cáo thời hạn bị tạm giữ tạm giam từ ngày 14/7/2024 đến ngày 11/10/2024).

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng C2 08 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 16 tháng tính từ ngày tuyên án (26/9/2025). Giao bị cáo Nguyễn Hoàng C2 cho Ủy ban nhân dân phường M, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trịnh Thị M4 từ 08 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án (26/9/2025). Giao bị cáo Trịnh Thị M4 cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về vật chứng, các biện pháp tư pháp, phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

- Ngày 29/9/2025, bị cáo Huỳnh Kim B1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo

Ngày 01/10/2025, các bị cáo Trần Thị Kim H1, Lê Thị Ngọc G1, Hồ Minh P, Hồ Thị S2, Lê Thanh P3, Nguyễn Thị H3, Dương Thị N2, Võ Văn B, Trương Thị Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Ngày 02/10/2025, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T9, Nguyễn Văn T4 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Ngày 06/10/2025, bị cáo Nguyễn Thị T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo

Ngày 08/10/2025, bị cáo Mai Thị T7 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo, hoặc được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi xét hỏi, tranh luận, xem xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo; xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình thức: Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị T, Võ Văn B, Huỳnh Kim B1, Dương Thị N2, Hồ Thị S6, Nguyễn Văn T4, Hồ Minh P, Trương Thị Đ, Lê Thị Ngọc G1, Mai Thị T7, Nguyễn Thị H3, Nguyễn Thị Ngọc T9, Trần Thị Kim H1 và Lê Thanh P3 gửi trong hạn luật định, nên đủ cơ sở chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

- Về nội dung:

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó đủ căn cứ xác định, Hà Chí T14, Nguyễn Văn G2, Nguyễn Văn T15, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị G3, Lê Thị Ngọc G1, Dương Thị N2, Trịnh Thị M4, Võ Văn B, Trương Thị Đ, Cao Văn T16, Hồ Minh P, Hồ Thị S2, Nguyễn Văn T4, Lê Thanh P3, Nguyễn Thị H3, Mai Thị T7, Lê Thị N5, Nguyễn Phước L3, Huỳnh Kim B1, Nguyễn Hoàng C2, Huỳnh Văn L4, Nguyễn Thị Ngọc T9, Trần Thị Kim H1 thực hiện hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền, dưới hình thức chơi tài xỉu, bị bắt quả tang, tổng số tiền dùng đánh bạc 33.197.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã thỏa yếu tố cấu thành tội tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Cấp sơ thẩm truy tố xét xử các bị cáo là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Giai đoạn phúc thẩm các các bị cáo Huỳnh Kim B1, Trần Thị Kim H1, Lê Thị Ngọc G1, Hồ Minh P, Hồ Thị S2, Lê Thanh P3, Nguyễn Thị H3, Dương Thị N2, Võ Văn B, Trương Thị Đ, Nguyễn Thị Ngọc T9, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Thị T, Mai Thị T7 có đơn kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo.

Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T9 cung cấp tài liệu có mẹ là bà Nguyễn Thị Thanh P2 là người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, được Ban chấp hành trung ương Hội cựu chiến binh tặng kỷ niệm chương cựu chiến binh Việt Nam và là đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nên được Chính ủy Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đ trao tặng nhà tình nghĩa; Bị cáo Lê Thanh P3 cung cấp có bác ruột Lê Văn T20 là liệt sĩ, có cha chồng Trần Văn L5 là thương binh; bị cáo Mai Thị T7 cung cấp đơn có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, đang nuôi mẹ già mất sức lao động có xác nhận của UBND phường C, tỉnh Đồng Tháp; Bị cáo Huỳnh Kim B1 (sinh năm 1962) cung cấp đơn có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân có nhiều bệnh (huyết áp, rối loạn tiền đình,...), bị cáo đang chăm sóc chồng bị tai biến có xác nhận của Trưởng khóm A, UBND phường M, tỉnh Đồng Tháp; bị cáo Nguyễn Văn T4 có đơn xác nhận của UBND xã T, tỉnh Đồng Tháp bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi cha, mẹ già.

Xem thấy: Vụ án có 24 bị cáo tham gia đánh bạc với số tiền dùng đánh bạc 33.197.000 đồng, trong đó có bị cáo mang theo tiền dùng để đánh bạc nhiều nhất là 2.368.000 đồng và ít nhất là 100.000 đồng, cho thấy số tiền từng bị cáo mang theo dùng để đánh bạc là không lớn; về nhân thân của 14 bị cáo có kháng cáo đều chưa có tiền án, tiền sự. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo kháng cáo có thay đổi, bổ sung yêu cầu kháng cáo yêu cầu xử phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo. Do vậy, đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của các bị cáo.

Riêng, bị cáo Bị cáo Huỳnh Kim B1 (63 tuổi- là người cao tuổi) và bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T9 có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn, các bị cáo có cung cấp nhiều tình tiết giảm nhẹ phát sinh tại giai đoạn phúc thẩm được quy

định tại khoản 2 Điều 51 BLHS; cả hai bị cáo B1 và T9 bị cáo có nơi cư trú rõ ràng đảm bảo điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết 02 ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, nên đề xuất lãnh đạo xem xét yêu cầu kháng cáo của kháng cáo được hưởng án treo của 02 bị cáo B1 và T9 vẫn đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử:

Với những phân tích nêu trên đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 BLTTHS năm 2015: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Kim B1, Nguyễn Thị Ngọc T9 về yêu cầu được hưởng án treo; Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thị Kim H1, Lê Thị Ngọc G1, Hồ Minh P, Hồ Thị S2, Lê Thanh P3, Nguyễn Thị H3, Dương Thị N2, Võ Văn B, Trương Thị Đ, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Thị T, Mai Thị T7 về giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt các bị cáo:

- Huỳnh Kim B1 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 04 tháng về tội “Đánh bạc”

- Nguyễn Thị Ngọc T9 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 02 tháng về tội “Đánh bạc”

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt các bị cáo:

Trần Thị Kim H1, Lê Thị Ngọc G1, Hồ Minh P, Hồ Thị S2, Lê Thanh P3, Nguyễn Thị H3, Dương Thị N2, Võ Văn B, Trương Thị Đ, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Thị T, Mai Thị T7 mức phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng cùng về tội “Đánh bạc”

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo các bị cáo Nguyễn Thị T, Võ Văn B, Huỳnh Kim B1, Dương Thị N2, Hồ Thị S6, Nguyễn Văn T4, Hồ Minh P, Trương Thị Đ, Lê Thị Ngọc G1, Mai Thị T7, Nguyễn Thị H3, Nguyễn Thị Ngọc T9, Trần Thị Kim H1 và Lê Thanh P3 làm trong thời hạn luật định, đơn hợp lệ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận để xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng

về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung: Quá trình xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị T, Võ Văn B, Huỳnh Kim B1, Dương Thị N2, Hồ Thị S6, Nguyễn Văn T4, Hồ Minh P, Trương Thị Đ, Lê Thị Ngọc G1, Mai Thị T7, Nguyễn Thị H3, Nguyễn Thị Ngọc T9, Trần Thị Kim H1 và Lê Thanh P3 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã tóm tắt nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan, đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 13 giờ, ngày 14/7/2024, tại khu đất trống của Nguyễn Văn K thuộc ấp T, xã T, huyện C các bị cáo Hà Chí T14, Nguyễn Văn G2, Nguyễn Văn T15, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị G3, Lê Thị Ngọc G1, Dương Thị N2, Trịnh Thị M4, Võ Văn B, Trương Thị Đ, Cao Văn T16, Hồ Minh P, Hồ Thị S2, Nguyễn Văn T4, Lê Thanh P3, Nguyễn Thị H3, Mai Thị T7, Lê Thị N5, Nguyễn Phước L3, Huỳnh Kim B1, Nguyễn Hoàng C2, Lê Lam Đ3, Huỳnh Văn L4, Nguyễn Thị Ngọc T9, Trần Thị Kim H1 đã có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức lắc tài xỉu được thua bằng tiền với cái lắc do Hà Chí T14 và Nguyễn Văn T15 làm vĩ; Huỳnh Văn L4 làm vĩ cho cái lắc trước đó để Nguyễn Văn G2, Nguyễn Văn T15, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị G3, Lê Thị Ngọc G1, Dương Thị N2, Trịnh Thị M4, Võ Văn B, Trương Thị Đ, Cao Văn T16, Hồ Minh P, Hồ Thị S2, Nguyễn Văn T4, Lê Thanh P3, Nguyễn Thị H3, Mai Thị T7, Lê Thị N5, Nguyễn Phước L3, Huỳnh Kim B1, Nguyễn Hoàng C2, Lê Lam Đ3, Huỳnh Văn L4, Nguyễn Thị Ngọc T9, Trần Thị Kim H1 tham gia đặt tài xỉu thắng thua bằng tiền với tổng số tiền dùng đánh bạc là 33.197.000 đồng.

Hành vi này của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội Đánh bạc theo quy định tại Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Đối với yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, gây bất bình trong dư luận quần chúng. Hiện nay tệ nạn cờ bạc xảy ra ngày càng phổ biến, phức tạp, hậu quả từ việc đánh bạc làm ảnh hưởng đến đời sống hạnh phúc gia đình của người tham gia đánh bạc, đồng thời là nguyên nhân dẫn đến những vi phạm pháp luật khác.

Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các

bị cáo, khi quyết định hình phạt đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt các bị cáo Các bị cáo Nguyễn Thị T, Võ Văn B, Huỳnh Kim B1, Dương Thị N2 và Hồ Thị S2 mỗi bị cáo 08 tháng tù; các Nguyễn Văn T4, Hồ Minh P, Trương Thị Đ, Lê Thị Ngọc G1, Mai Thị T7, Nguyễn Thị H3, Nguyễn Thị Ngọc T9 và Trần Thị Kim H1 mỗi bị cáo 07 tháng tù và Lê Thanh P3 06 tháng tù cùng về tội “Đánh bạc” là phù hợp với quy định pháp luật, tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo chủ yếu là người lao động, có trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế, số tiền tham gia đánh bạc không lớn; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra, xét xử vụ án các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thực sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trước khi phạm tội có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Ngoài ra, trong quá trình tại ngoại các bị cáo không vi phạm pháp luật nào khác, chấp hành tốt các quy định tại địa phương. Xét thấy, nếu không bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Mặt khác, tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận có khả năng để thực hiện đầy đủ tiền phạt theo quyết định của Hội đồng xét xử. Hành vi phạm tội của các bị cáo xảy ra từ tháng 7/2024; có bị cáo trong quá trình điều tra đã bị tạm giam; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và khung hình phạt chính mà điều luật quy định có thể phạt tiền là hình phạt chính. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Thị T, Trương Thị Đ, Nguyễn Văn T4, Hồ Minh P, Dương Thị N2, Võ Văn B, Mai Thị T7, Hồ Thị S2, Trần Thị Kim H1, Lê Thị Ngọc G1, Nguyễn Thị H3 và Lê Thanh P3.

Riêng đối với bị cáo Huỳnh Kim B1 và Nguyễn Thị Ngọc T9 có hoàn cảnh gia đình khó khăn: Bị cáo Ba hiện là đã 64 tuổi, là trụ cột chính của gia đình, chăm sóc chồng bị đột quỵ, không còn khả năng lao động, bản thân có nhiều bệnh (huyết áp, rối loạn tiền đình,...) có xác nhận của Trưởng khóm A, UBND phường M, tỉnh Đồng Tháp. Bị cáo T9 hiện đã ly hôn chồng, phải đi làm thuê hằng ngày; có mẹ là bà Nguyễn Thị Thanh P2 là người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, được Ban chấp hành trung ương Hội cựu chiến binh tặng kỷ niệm chương cựu chiến binh Việt Nam và là đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nên được Chính ủy Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Tháp trao tặng nhà tình nghĩa. Đồng thời, các bị cáo cũng có nơi cư trú ổn định. Do đó, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận yêu cầu kháng cáo được hưởng án treo của các bị cáo.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận, nên các bị

cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e, đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền của các bị cáo Nguyễn Thị T, Trương Thị Đ, Nguyễn Văn T4, Hồ Minh P, Dương Thị N2, Võ Văn B, Mai Thị T7, Hồ Thị S2, Trần Thị Kim H1, Lê Thị Ngọc G1, Nguyễn Thị H3 và Lê Thanh P3;

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Huỳnh Kim B1 và Nguyễn Thị Ngọc T9.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 45/2025/HS-ST ngày 27/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang về phần hình phạt.

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Thị T, Lê Thị Ngọc G1, Dương Thị N2, Võ Văn B, Trương Thị Đ, Hồ Minh P, Hồ Thị S2, Nguyễn Văn T4, Lê Thanh P3, Nguyễn Thị H3, Mai Thị T7, Huỳnh Kim B1, Nguyễn Thị Ngọc T9 và Trần Thị Kim H1 phạm tội “Đánh bạc”;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt các bị cáo:

1. Nguyễn Thị T 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng).
2. Võ Văn B 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng).
3. Dương Thị N2 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng).
4. Hồ Thị S2 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng).
5. Mai Thị T7 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).
6. Nguyễn Thị H3 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).
7. Trương Thị Đ 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).
8. Nguyễn Văn T4 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).
9. Hồ Minh P 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).
10. Lê Thị Ngọc G1 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).
11. Trần Thị Kim H1 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).
12. Lê Thanh P3 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt các bị cáo:

13. Huỳnh Kim B1 08 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm 04 tháng, tính kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (Ngày 31/3/2026).

Giao bị cáo Huỳnh Kim B1 cho Ủy ban nhân dân phường M, tỉnh Đồng Tháp để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách; Bị cáo Huỳnh Kim Ba P4 thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo Luật Thi hành án hình sự. Trường hợp bị cáo Huỳnh Kim B1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Huỳnh G4 cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Huỳnh Kim B1 chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

14. Nguyễn Thị Ngọc T9 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm 02 tháng, được tính kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (Ngày 31/3/2026).

Giao bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T9 cho Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Đồng Tháp để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách; Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T9 phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo Luật Thi hành án hình sự. Trường hợp bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T9 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T9 cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T9 chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thị T, Trương Thị Đ, Nguyễn Văn T4, Hồ Minh P, Dương Thị N2, Võ Văn B, Mai Thị T7, Hồ Thị S2, Trần Thị Kim H1, Lê Thị Ngọc G1, Nguyễn Thị H3 và Lê Thanh P3, Nguyễn Thị Ngọc T9 và Huỳnh Kim Ba K1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2025/HS-ST ngày 27/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Toà án nhân dân Khu vực 11 – An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – An Giang;
- Phòng THADS Khu vực 11 - An Giang;
- Phòng hồ sơ – Công an tỉnh An Giang;
- Phòng giám đốc, kiểm tra, thanh tra và THA;
- Bị cáo có kháng cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thuận Lợi